SỞ Y TẾ THANH HÓA **BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC** Số: 755/QĐ-BVNL	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Ngọc Lặc, ngày 21 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm, dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua bổ sung thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc 2026-2028

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành qui chế Bệnh viện, qui định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc và điều trị ngày 30 /09/2026 của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc về việc thống danh mục, số lượng, nhóm thuốc mua sắm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2026 - 2027 của Bệnh viện;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm ngày 15/10/2026 của Hội đồng thuốc và điều trị, Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc về việc thống nhất nguồn vốn, danh mục, số lượng, nhóm thuốc và các nội dung thuê tư vấn của gói thầu Mua bổ sung thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc 2026-2028;

Căn cứ bảng dải giá tra trên hệ thống mua sắm công trên website: muasamcong.mpi.gov.vn;

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số698/TT-HĐMS ngày 19/10/2026 về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm, dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua bổ sung thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc 2026-2028;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch mua sắm, dự toán chi tiết của gói thầu Mua bổ sung thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc 2026-2028 với những nội dung sau:

- Chủ đầu tư, đơn vị được mua sắm: Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc

- Tên dự toán mua sắm: Mua bổ sung thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc 2026-2028

- Tổng Dự toán: 20.970.580.740 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi tỷ chín trăm bảy mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).* Giá dự toán là giá tổng hợp bao gồm thuế VAT, và các chi phí liên quan.

Trong đó:

+ Mua thuốc: **16.077.369.800** đồng *(Bằng chữ: Mười sáu tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng).*

+ Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: 43.000.000 đ *(*Bằng chữ: *Bốn mươi ba triệu đồng chẵn./.)*

+ Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: 27.000.000 đ *(*Bằng chữ: *Hai mươi bảy triệu đồng chẵn./.)*

+ Tùy chọn mua thêm: **4.823.210.940** *(Bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm hai mươi ba triệu hai trăm mười nghì chín trăm bốn mươi đồng)*

- Năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm: Năm 2026, 2028

Điều 2. Giao cho Hội đồng mua sắm, phòng tài chính kế toán, Khoa dược tham mưu và chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà

thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) thuộc Hội đồng mua sắm, Phòng tài chính kế toán,Trưởng khoa dược, các khoa phòng và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Y tế (Để BC);
- Ban giám đốc;
- Công khai trên HTMĐTQG;
- Lưu: VT, K.Dược,TCKT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC

Nguyễn Hữu Hùng

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua bổ sung thuốc Generic phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc năm 2026-2028

(Kèm Quyết định số 755 /QĐ-BVNL ngày tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc	Gói thầu thuốc Generic	Mua thuốc Generic	**16.077.369.800 đồng**	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng, xét theo từng phần của gói thầu	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	120 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Tối đa 30% số lượng, giá trị của từng thuốc trong danh mục; tương ứng **4.823.210.940 đồng**

Tổng giá trị các gói thầu	**16.077.369.800 đồng**
Bằng chữ: ***Mười sáu tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng.***	

PHỤ LỤC II: DANH MỤC HÀNG HÓA

DỰ TOÁN MUA SẮM CUNG CẤP THUỐC GÓI THẦU: MUA BỔ SUNG THUỐC GENERIC PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC NĂM 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số 755/QĐ-BVNL ngày 21/10/2026 của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc)

STT	Mã thuốc	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Tổng thành tiền (Vnd)
I. Gói số 01: Gói thầu thuốc generic										
			1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIÃN CƠ, GIẢI GIÃN CƠ							
			1.1. Thuốc gây tê, gây mê							
1	1	4	Atropin sulfat	0,20mg/ml	Dung dịch thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	10,000	780	7,800,000
2	6	1	Etomidate	20mg/10ml	Nhũ tương tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	300	120,000	36,000,000
3	7	5	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrat)	0,5mg/10ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,500	20,990	52,475,000
4	12	4	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	40,000	478	19,120,000
5	13	1	Lidocaine Hydrochloride + Epinephrine	36mg + 0,018mg	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	4,000	15,400	61,600,000
6	15	1	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	50mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền hoặc bơm hậu môn	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	1,400	59,850	83,790,000
7	21	4	Propofol	10mg/ml	Nhũ tương tiêm, Tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	7,500	33,600	252,000,000
8	20	1	Propofol	5mg/ml	Nhũ tương	Thuốc	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	300	93,550	28,065,000

					tiêm hoặc tiêm truyền	tiêm/truyền				
9	23	1	Sevoflurane	100%/200ml	Dung dịch gây mê đường hô hấp	Dạng hít	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	400	1,552,000	620,800,000
			1.2. Thuốc giãn cơ, thuốc giải giãn cơ							
10	26	4	Atracurium besylat	20mg/2,5ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	1,000	39,900	39,900,000
			2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP							
			2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid							
11	56	4	Paracetamol 10mg/ml	1g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	35,000	9,000	315,000,000
12	56	1	Paracetamol	500mg	Viên nén	Uống	Viên	250,000	550	137,500,000
			2.2. Thuốc chống thái hóa khớp							
13	80	1	Glucosamin	200mg	Viên	uống	Viên	25,000	3,120	78,000,000
			3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẪN							
14	105	4	Adrenalin	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	30,000	1,284	38,520,000
			4. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ CÁC THUỐC DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC							
15	131	4	Natri bicarbonat	8,4%; 10ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	600	19,740	11,844,000
16	141	4	Sorbitol	3% /5 lít	Dung dịch rửa nội soi bàng quang	Dung dịch rửa nội soi bàng quang	Can	200	140,000	28,000,000
			5. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN							

			5.1. Chống nhiễm khuẩn							
			5.1.1. Thuốc nhóm beta-lactam							
17	168	3	Amoxicilin	500mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	40,000	2,100	84,000,000
18	168	1	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	500mg	Viên nang cứng	Uống	Viên	100,000	2,300	230,000,000
19	169	1	Amoxicilin + Acid clavulanic	1g + 0,2g	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	10,000	41,667	416,670,000
20	172	4	Ampicilin + Sulbactam	2g + 1g	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	10,000	53,800	538,000,000
21	188	2	Cefotiam (dưới dạng hỗn hợp Cefotiam hydrochloride và Sodium carbonate)	1g	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	15,000	61,000	915,000,000
			5.1.2. Thuốc nhóm aminoglycosid							
22	218	1	Tobramycin	3mg/ml; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	1,800	32,300	58,140,000
			5.1.3. Thuốc nhóm nitroimidazol							
23	221	2	Metronidazol	200mg	Viên nén	Uống	Viên	130,000	252	32,760,000
24	221	4	Metronidazol	500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	60,000	6,300	378,000,000
			5.1.4. Thuốc nhóm quinolon							
25	233	4	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén	Uống	Viên	40,000	550	22,000,000
26	236	4	Moxifloxacin	0,5%; 6ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	1,000	20,000	20,000,000
			5.2. THUỐC CHỐNG VIRUT							

			5.2.1. Thuốc điều trị HIV/AIDS							
27	267	2	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	100,000	1,590	159,000,000
			5.3. Thuốc điều trị Lao							
28	324	3	Rifampicin + isoniazid + pyrazinamid	150mg + 750mg + 400mg	Viên	Uống	Viên	3,200	3,000	9,600,000
29	326	4	Streptomycin	1g	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	100	4,298	429,800
			6. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU							
			6.2. Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu							
30	456	1	Heparin sodium	20000IU/5ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	4,000	200,890	803,560,000
31	456	4	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	30,000	1,040	31,200,000
32	460	4	Acid Tranexamic	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	30,000	2,750	82,500,000
			7. THUỐC TIM MẠCH							
			7.2. Thuốc điều trị tăng huyết áp							
33	522	3	Enalapril + Hydroclorothiazid	20mg + 12.5mg	Viên	Uống	Viên	40,000	3,600	144,000,000
34	533	1	Lisinopril + hydroclorothiazid	20mg + 12,5mg	Viên nén	Uống	Viên	60,000	4,990	299,400,000
35	541	1	Perindopril	5mg (dạng muối)	Viên	Uống	Viên	100,000	5,028	502,800,000
			7.3. Thuốc điều trị suy tim							
36	553	4	Digoxin	0,20mg	Viên	Uống	Viên	5,000	628	3,140,000
37	554	4	Dobutamin (dưới dạng	200mg/50ml	Dung dịch	Thuốc	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,500	79,000	197,500,000

			Dobutamin hydrochlorid)		tiêm	tiêm/truyền				
			7.4. Thuốc chống huyết khối							
38	559	4	Acid acetylsalicylic	100mg	Viên bao tan trong ruột	Uống	Viên	120,000	450	54,000,000
			9. THUỐC LỢI TIỂU							
39	667	4	Furosemid	20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	26,000	562	14,612,000
			10. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA							
			10.1. Thuốc kháng acid và các thuốc chống loét khác tác dụng trên đường tiêu hóa							
40	672	4	Attapulgit hoạt hóa + Magnesi carbonat + Nhôm hydroxyd khô	2,5g + 200mg + 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	100,000	1,590	159,000,000
41	684	4	Pantoprazol	20mg	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên	80,000	1,500	120,000,000
42	684	4	Pantoprazol	40mg	Thuốc tiêm đông khô	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	5,000	30,000	150,000,000
			10.2. Thuốc chống co thắt							
43	696	4	Alverin citrat + Simethicon	60mg + 80mg	Viên nang	Uống	Viên	50,000	1,491	74,550,000
44	702	4	Papaverin hydroclorid	40mg/ 2ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,200	2,000	4,400,000
			10.3. Thuốc tẩy, nhuận tràng							
45	711	1	Macrogol +natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75G	Bột pha dung dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,000	35,970	71,940,000
			10.4. Thuốc điều trị tiêu chảy							

46	717	4	Bào tử Bacillus subtilis 2x10^9CFU/5ml	2x10^9CFU/5ml	Hỗn dịch uống	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	60,000	5,250	315,000,000
			11. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT							
			11.1. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết							
47	780	2	Glibenclamid + Metformin	5mg + 500mg(dạng muối)	Viên	Uống	Viên	100,000	2,280	228,000,000
48	781	1	Gliclazide	60mg	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	Viên	100,000	4,800	480,000,000
49	781	1	Gliclazid	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	Viên	100,000	2,520	252,000,000
50	787	5	Insulin Glargine	100 IU/ml, 3ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	3,000	212,000	636,000,000
			11.2. Hocmon tuyến giáp, cận giáp và thuốc kháng giáp trạng tổng hợp							
51	804	1	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Viên	Uống	Viên	50,000	720	36,000,000
52	804	4	Levothyroxin natri	100mcg	Viên	Uống	Viên	50,000	284	14,200,000
			12. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TAI MŨI HỌNG							
			12.1. Thuốc tai- mũi- họng							
53	883	4	Xylometazolin	10mg/10ml	Thuốc xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,000	21,000	42,000,000
			13. THUỐC CÓ TÁC DỤNG THÚC ĐẺ, CẦM MÁU SAU ĐẺ VÀ CHỐNG ĐẺ NON							
			13.1. Thuốc thúc đẻ, cầm máu sau đẻ							
54	888	4	Methyl ergometrin	0,2mg/1ml	Dung dịch	Thuốc	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	1,500		16,500,000

			maleat		tiêm	tiêm/truyền			11,000	
			14. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN							
			14.1. Thuốc an thần							
55	900	1	Diazepam	5mg	Viên nén	Uống	Viên	160,000	1,932	309,120,000
			14.2. Thuốc chống rối loạn tâm thần							
56	910	2	Clorpromazin	20mg	Viên	Uống	Viên	50,000	210	10,500,000
57	916	4	Haloperidol	1,5 mg	Viên	Uống	Viên	40,000	86	3,440,000
			14.3. Thuốc tác động lên hệ thần kinh							
58	939	1	Acetylleucine	500mg/5ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	60,000	17,940	1,076,400,000
59	939	2	Acetylleucine	500mg/5ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	20,000	14,750	295,000,000
60	939	3	Acetylleucine	500mg	Viên	Uống	Viên	150,000	2,200	330,000,000
61	939	4	Acetylleucine	500mg/5ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	40,000	13,650	546,000,000
			15. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP							
			15.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính							
62	964	5	Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate); Fluticasone propionate	(20mcg + 200mcg)/liều xịt; 120 liều	hít qua đường miệng	Thuốc xịt phun mù	Chai/Lọ/Bình/Ống	500	89,800	44,900,000
			15.2. Thuốc chữa ho							
63	969	1	Bromhexin hydroclorid	12mg	Viên	Uống	Viên	40,000	1,800	72,000,000
			15.3. Thuốc khác							

			16. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC							
			16.1. Thuốc uống							
64	983	4	Kali clorid	500mg	Viên	Uống	Viên	80,000	800	64,000,000
			16.2. Thuốc tiêm truyền							
65	991	4	Calci clorid	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	3,000	798	2,394,000
66	993	4	Kali clorid	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	30,000	1,500	45,000,000
67	994	4	Magnesi sulfat	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	5,000	2,900	14,500,000
68	996	4	Manitol	Mỗi 250ml dung dịch chứa: Manitol 50mg	Dung dịch tiêm truyền	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,500	18,300	45,750,000
69	997	1	Natri clorid	0,9%/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	30,000	19,500	585,000,000
70	997	2	Natri clorid	0,9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	50,000	12,480	624,000,000
71	997	4	Natri clorid	0,9% 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	300,000	5,990	1,797,000,000
72	999	5	Nhũ dịch lipid	10%;250ml	Thuốc tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	2,000	92,000	184,000,000
			16.3. Thuốc khác							
73	1003	4	Nước cất pha tiêm	10ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	470,000	960	451,200,000
			17. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN							
74	1005	4	Calci carbonat	625mg	Viên	Uống	Viên	20,000	1,380	27,600,000

75	1005	4	Calci carbonat	1250mg	Viên	Uống	Viên	30,000	1,800	54,000,000
76	1023	4	Thiamin hydroclorid	100mg/1ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	60,000	800	48,000,000
77	1030	4	Cyanocobalamin	1000mcg/ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói	75,000	550	41,250,000
			TỔNG CỘNG							**16,077,369,800**

PHỤ LỤC III: CHI PHÍ LẬP THẨM ĐỊNH CÁC NỘI DUNG TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA BỔ SUNG THUỐC GENERIC PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NGỌC LẶC NĂM 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số 755/QĐ-BVNL ngày 21 /10/2026 của Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị
1	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Thuê đơn vi tư vấn	43.000.000
2	Tư vấn thẩm định E-HSMT và Kết quả LCNT	Thuê đơn vi tư vấn	27.000.000
Tổng giá trị: 70.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng chẵn)			

Ghi Chú:

Căn cứ khoản 7, Điều 14, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ báo giá thấp nhất của các đơn vị cung cấp báo giá;